

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 22/4/2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ái Hòa.

Ông Tạ Kỳ Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Trần Kim M, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố H, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** ông Bùi Văn Ph, sinh năm 1976; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố AQ, phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Kim M trình bày:

Bà và ông Bùi Văn Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Khi chung sống cùng ông Ph, bà và ông Ph sống chung tại nhà của bà và vẫn giữ nguyên đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường AH, thị xã Trảng Bàng, không có đăng ký hộ khẩu tại nơi nào khác.

Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn do tính tình của vợ, chồng không phù hợp với nhau, thường xuyên gây gổ nhau vì kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, ông Ph đã quay về sống tại khu phố AQ, phường AH, thị xã Trảng Bàng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm đã phai nhạt, không còn hạnh phúc. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông Ph.

Về con chung: vợ chồng bà không có con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng bà không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Bùi Văn Ph trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, thường xuyên gây gổ nhau và đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, ông đã quay về nhà cha, mẹ ruột của ông sinh sống tại khu phố AQ, phường AH. Từ khi ly thân, vợ chồng cũng không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ chung sống lại với nhau. Nay ông đồng ý ly hôn bà M.

Về con chung: vợ chồng ông không có con chung.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kim M và ông Bùi Văn Ph.

Về con chung: bà M, ông Ph không có con chung.

Về tài sản chung: bà M, ông Ph không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: bà M, ông Ph trình bày không có nợ.

Về án phí: bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Trần Kim M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà M và ông Ph tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn và ông Ph cũng đồng ý ly hôn bà M.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân phường AH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thể hiện bà M và ông Ph chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông Ph đều xác định việc ông, bà từ khi chung sống với nhau vào năm 2005 đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân của bà M và ông Ph là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông Ph

[3] Về con chung: bà M, ông Ph không có con chung.

Về tài sản chung: bà M, ông Ph không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: bà M, ông Ph trình bày không có nợ.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kim M và ông Bùi Văn Ph.

2. Về con chung: bà M, ông Ph không có con chung.

3. Về tài sản chung: bà M, ông Ph không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà M, ông Ph trình bày không có nợ.

5. Án phí: bà Trần Kim M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027581 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Bà M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà M, ông Ph có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư